

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thủy Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:** Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm Sát Viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/TLST-HNGĐ ngày 13/05/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1974;

*Địa chỉ:* 372/13 Bis CMT, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh năm 1980;

*Nơi cư trú cuối cùng:* 372/13 Bis CMT, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/05/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng L trình bày:*

Ông L và bà Bùi Thị Mỹ D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 12/3/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Có giấy chứng nhận kết hôn số 017, quyền số 01/2001).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn của hai vợ chồng nhưng không được. Bà D hiện đã bỏ nhà đi và có Quyết định tuyên bố mất tích số 07/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3. Nay ông L nhận thấy tình cảm không còn và bà D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung là tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/02/2003. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Bà D, ông L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của ông L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn ông L khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà D nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn bà D có nơi cư trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 29/8/2022 của ông L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Bị đơn bà D vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội Dung:* Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số 17 ngày 12/3/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (quyển số 01/2001) nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc Tuyên bố một người mất tích số 07/2022/QĐST ngày 08/04/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 nêu :

*‘Tuyên bố : Bà Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 26/10/1980, nơi cư trú cuối cùng tại số 372/13 Bis CMT, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã mất tích.’*

[6] Tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”*

[7] Xét, căn cứ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc Tuyên bố một người mất tích số 07/2022/QĐST ngày 08/04/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 thì có cơ sở cho đến nay bà D đã mất tích nên yêu cầu của ông L về việc ly hôn với bà D là có cơ sở, phù hợp khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: 01 người con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 17/02/2003, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về tài sản và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng L được ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ D.

1.2. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007234 ngày 13/05/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông Nguyễn Hồng L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hồng L và bà Bùi Thị Mỹ D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- UBND Phường 10, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Anh**